

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về
chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/ 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BKHHCN ngày 06/5/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BKHHCN ngày 30/6/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các biện pháp quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá cần tăng cường quản lý trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại tờ trình số 517/TT-SKHHCN ngày 28 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 05/5/1997 của UBND tỉnh Lào Cai quy định về phân công quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Vạn

QUY ĐỊNH
Quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm,
hàng hoá trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Kèm theo Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11 /12/ 2009
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; tổ chức giải thưởng chất lượng quốc gia; trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Những nội dung khác không quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá và các cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hoá.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá

1. Chất lượng sản phẩm hàng hoá được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Căn cứ vào khả năng gây mất an toàn, sản phẩm, hàng hoá được quản lý như sau :

a) Sản phẩm, hàng hoá nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng;

b) Sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng.

2. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh nhằm đảm bảo an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá.

3. Quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm thực thi các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất lượng sản phẩm, hàng hoá* là mức độ của các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. *Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG, SẢN PHẨM HÀNG HOÁ

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện thống nhất việc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông, quá trình sử dụng trên địa bàn tỉnh với các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chính sách về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
2. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản đó;
3. Quản lý đầu mối các hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện, thành phố;
4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tổ chức hướng dân, cung cấp thông tin pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
5. Chủ trì tổ chức giải quyết các tranh chấp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của Pháp luật;
6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực được phân công;
7. Tổ chức, thực hiện công tác Giải thưởng chất lượng Quốc gia cấp sơ tuyển hàng năm theo quy định.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 5: Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các sở quản lý chuyên ngành

Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành; khảo nghiệm, thử nghiệm nhằm xác định mức chất lượng và phương pháp kiểm soát hàng hóa; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mức chất lượng sản phẩm hàng hóa đã công bố và thông tin đến khách hàng;
2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo lĩnh vực và địa bàn được phân công quản lý.
3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tìm hiểu thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

5. Phổ biến, tuyên truyền về GTCLQG hàng năm đến với các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

6. Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo lĩnh vực được phân công quản lý về Sở khoa học và công nghệ để tổng hợp báo cáo chung.

Điều 6. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đặc thù

Căn cứ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; các sở, ngành cấp tỉnh giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Sở Y tế:

a) Y dược cổ truyền; sức khỏe của cộng đồng; vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm, nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng thiên nhiên; thuốc lá điều; hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

b) Khám, chữa bệnh, chăm sóc, điều dưỡng, phục hồi chức năng, giải phẫu thẩm mỹ;

c) Thuốc, mỹ phẩm;

d) Trang thiết bị, công trình y tế.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Giống cây trồng, giống vật nuôi; nông sản, lâm sản, thủy sản, muối, gia súc, gia cầm, vật nuôi;

b) Vật tư nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; phân bón, thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;

c) Sản phẩm, dịch vụ trong nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản, lâm sản, thủy sản, muối;

d) Phụ gia, hoá chất sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; thuốc bảo vệ thực vật, động vật;

đ) Dụng cụ đánh bắt thủy sản, các thiết bị đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong ngành thủy sản;

e) Công trình thủy lợi, đê điều.

3. Sở Giao thông vận tải:

a) Các loại phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ các phương tiện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) và các trang thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;

b) Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy nội địa;

c) Dịch vụ trong lĩnh vực giao thông vận tải.

4. Sở Xây dựng:

a) Công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở;

b) Vật liệu xây dựng;

c) Kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, qui hoạch xây dựng các cửa khẩu biên giới quốc tế quan trọng;

d) Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;

đ) Dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

5. Sở Công thương:

a) Hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp ;

b) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của ngành;

c) Sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật;

d) Dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

đ) Thương mại điện tử.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; phương tiện bảo vệ cá nhân đối với người lao động;

b) Các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật;

c) Các công trình vui chơi công cộng;

d) Dịch vụ trong lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Sản phẩm báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát;

b) Thiết bị viễn thông, công trình viễn thông;

c) Mạng lưới, công trình, sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, điện tử và công nghệ thông tin;

d) Tần số vô tuyến điện và thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện;

đ) Dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tài nguyên, khoáng sản;

b) Khí tượng thuỷ văn;

c) Đo đạc bản đồ;

d) Dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu hướng dẫn giáo viên;

b) Thiết bị dạy học, cơ sở vật chất, đồ chơi trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của ngành;

c) Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

10. Sở Tài chính: Các sản phẩm liên quan đến dự trữ quốc gia, kinh doanh xổ số, hoạt động chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thẩm định giá;

11. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Ấn phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật;

b) Công trình thể thao; trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao;

12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Lào Cai: Tiền tệ, hoạt động ngân hàng, các thiết bị chuyên dùng cho ngân hàng theo quy định của pháp luật;

13. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: Phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia.

14. Công an tỉnh: Thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, khí tài vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các sản phẩm khác sử dụng cho lực lượng công an nhân dân không thuộc đối tượng bí mật quốc gia.

15. Cục Hải quan : Chủ động phối kết hợp với các ngành thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động dịch vụ Hải quan theo quy định của pháp luật;

16. Cục Thuế : Các hoạt động về dịch vụ thuế theo quy định của pháp luật;.

17. Sở khoa học và công nghệ: Thiết bị an toàn bức xạ hạt nhân; các nguồn phóng xạ; các phương tiện dụng cụ đo lường và các sản phẩm hàng hóa khác (trừ các sản phẩm, hàng hóa tại khoản 1 đến khoản 16 nêu trên và các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia).

18. Đối với các sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Nghị định 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của UBND các huyện, thành phố; UBND cấp xã, phường, thị trấn

1. UBND các huyện, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương với các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường; xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng hàng hoá theo thẩm quyền;

c) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường tại địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

2. UBND cấp xã, phường, thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

b) Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, SẢN PHẨM HÀNG HOÁ

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố trong việc tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông, quá trình sử dụng trên địa bàn tỉnh

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (trừ các sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các sở, ngành theo quy định tại Điều 6 của Quy định này); Làm đầu mối tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan trực tiếp giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá và thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá theo phân cấp tại địa phương.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện việc kiểm tra và xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo lĩnh vực được phân công tại Điều 6 của Quy định này;

b) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất tổng hợp, báo cáo về tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

a) Chủ động phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành tổ chức việc kiểm tra và xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thẩm quyền;

b) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình chất lượng sản phẩm hàng hoá tại địa phương.

Điều 9. Thanh tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Thanh tra chuyên ngành về chất lượng sản phẩm, hàng hoá thực hiện theo quy định pháp luật về thanh tra.

Chương IV

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Điều 10. Mục đích, điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc, thủ tục xét thưởng

Quy định tại Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 11/2009/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Giải thưởng Chất lượng quốc gia (GTCLQG) là hình thức tôn vinh, khen thưởng ở cấp quốc gia do Thủ tướng chính phủ tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo các tiêu chí của GTCLQG;

2. Hình thức của Giải thưởng chất lượng Quốc gia bao gồm:

- Giải vàng chất lượng quốc gia;
- Giải bạc chất lượng quốc gia.

3. GTCLQG được xét tặng hàng năm cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tại Việt Nam hợp pháp trong thời gian ít nhất 03 năm.

4. Tổ chức, doanh nghiệp tham dự GTCLQG được đánh giá theo 7 tiêu chí sau:

- a) Vai trò của lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp;
- b) Chiến lược hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp;
- c) Chính sách định hướng vào khách hàng và thị trường;
- d) Đo lường, phân tích và quản lý tri thức của tổ chức, doanh nghiệp;
- đ) Quản lý, phát triển nguồn nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp;
- e) Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức;
- g) Kết quả hoạt động của tổ chức.

5. Nguyên tắc xét thưởng không phân biệt đối xử giữa các loại hình, quy mô, không hạn chế số lượng các tổ chức, doanh nghiệp tham dự; việc xét thưởng đảm bảo công khai, khách quan và công bằng theo phương pháp chuyên gia đánh giá cho điểm trên cơ sở các tiêu chí tại Khoản 3 Điều này.

6. Thủ tục xét thưởng: GTCLQG được xét thưởng thông qua kết quả đánh giá Hội đồng sơ tuyển và Hội đồng quốc gia.

7. Quyền lợi của các tổ chức, doanh nghiệp đạt GTCLQG: Tổ chức, doanh nghiệp đạt GTCLQG được phép thông báo, tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức giới thiệu khác, được sử dụng biểu trưng (lôgô) của GTCLQG trên sản phẩm, ấn phẩm của tổ chức, doanh nghiệp; Tổ chức, doanh nghiệp đạt GTCLQG được Chính phủ, các Bộ, ngành và tỉnh quan tâm ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Điều 11. Tổ chức hoạt động GTCLQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc tổ chức, thực hiện công tác GTCLQG hàng năm theo quy định tại Thông tư số 11/2009/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan thường trực GTCLQG giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức triển khai hoạt động GTCLQG hàng năm theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Tham mưu đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành lập Hội đồng sơ tuyển GTCLQG tỉnh Lào Cai

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn hồ sơ cho các tổ chức, doanh nghiệp tham dự GTCLQG;

- d) Chủ động thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền về GTCLQG;
- đ) Tham mưu, tổ chức các phiên họp xét tuyển của Hội đồng sơ tuyển;
- g) Đề xuất chương trình, kế hoạch và tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động về GTCLQG gửi Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh.

3. Hội đồng sơ tuyển GTCLQG tỉnh Lào Cai có nhiệm vụ:

- a) Tổ chức tiến hành xem xét, đánh giá hồ sơ và đánh giá tại chỗ đối với tổ chức, doanh nghiệp tham dự GTCLQG;
- b) Đề xuất Hội đồng quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề nghị trao tặng GTCLQG.

4. Kinh phí hoạt động GTCLQG.

- a) Nguồn kinh phí hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia gồm:
 - + Nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho sự nghiệp khoa học hàng năm;
 - + Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
 - + Nguồn đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham dự giải.
- b) Kinh phí hoạt động GTCLQG được chi cho các hoạt động: Đánh giá (gồm đánh giá trên hồ sơ và đánh giá tại tổ chức, doanh nghiệp); tuyên truyền, quảng bá, đào tạo, tập huấn; hoạt động của Hội đồng sơ tuyển, chi phí hành chính và các hoạt động khác có liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thành phố phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Vạn